

Số: /QĐ-HĐTNK

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Hướng dẫn chấm thi năng khiếu
ngành Huấn luyện thể thao năm 2025**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI NĂNG KHIẾU
NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO NĂM 2025**

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-ĐHTTr ngày 28/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tân Trào; Quyết định số 507/QĐ-ĐHTTr ngày 27/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế thi tuyển sinh của Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ Quyết định số 739/QĐ-ĐHTTr ngày 22/7/2025 của Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Đề án tổ chức thi năng khiếu ngành Huấn luyện thể thao năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 945/QĐ-ĐHTTr ngày 29/8/2025 của Trường Đại học Tân Trào về việc thành lập Hội đồng thi năng khiếu ngành Huấn luyện thể thao;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng thi năng khiếu ngành Huấn luyện thể thao.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Hướng dẫn thi chấm thi năng khiếu ngành Huấn luyện thể thao năm 2025 (có Hướng dẫn kèm theo).

Điều 2. Hội đồng thi, Ban coi thi, chấm thi năng khiếu ngành Huấn luyện thể thao có nhiệm vụ tổ chức, thực hiện công tác thi tuyển đúng Hướng dẫn chấm thi năng khiếu và các quy định hiện hành khác.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng tuyển sinh năm 2025, Hội đồng thi năng khiếu, Ban coi thi, chấm thi năng khiếu ngành Huấn luyện thể thao và thí sinh dự thi chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường;
- Hội đồng tuyển sinh;
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu VT, ĐT_(HÀ).

**TM. HỘI ĐỒNG THI NĂNG KHIẾU
CHỦ TỊCH**

**HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Minh Anh Tuấn**

HƯỚNG DẪN CHẤM THI NĂNG KHIẾU NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO

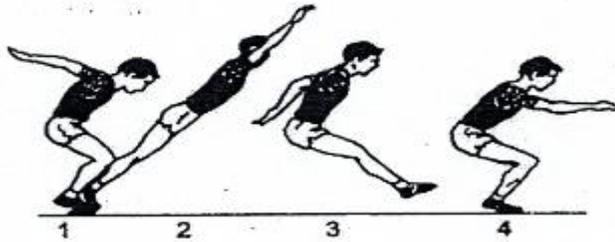
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐTNK ngày tháng năm 2025
của Hội đồng thi năng khiếu ngành Huấn luyện thể thao Trường Đại học Tân Trào)

1. Nội dung thi Bật xa tại chỗ

- Mỗi thí sinh được dự thi 02 lần.

- Thành tích được xác định là khoảng cách từ điểm rơi gần nhất tới mép trước của vạch giới hạn. Thành tích được đo bằng centimet (cm), lấy thành tích cao nhất ở 02 lần thực hiện. Kết quả được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Kỹ thuật động tác: Thí sinh đứng hai chân mở rộng tự nhiên, ngón chân đặt sát mép vạch giới hạn; khi bật nhảy và tiếp đất, hai chân tiến hành cùng lúc. Không được tạo đà bằng cách hai chân rời khỏi mặt đất, hoặc dẫm lên vạch giới hạn trước khi giậm nhảy.



- Thành tích: Được tính từ vạch giới hạn đến điểm tiếp đất gần nhất của thí sinh. Thí sinh thực hiện hai lần nhảy, tính thành tích lần nhảy cao nhất. Nếu phạm quy (dẫm nhảy quá vạch giới hạn, bật nhảy ra ngoài hố cát) thì thí sinh bị huỷ kết quả lần nhảy đó.

- Thang điểm quy đổi theo thành tích như sau:

| Điểm | Thành tích (m) | | Ghi chú |
|------|----------------|----------------|---------|
| | Nam | Nữ | |
| 10 | ≥ 2m60 | ≥ 2m10 | |
| 9,0 | Từ 2m50 - 2m59 | Từ 2m00 - 2m09 | |
| 8,0 | Từ 2m40 - 2m49 | Từ 1m90 - 1m99 | |
| 7,0 | Từ 2m30 - 2m39 | Từ 1m80 - 1m89 | |
| 6,0 | Từ 2m20 - 2m29 | Từ 1m70 - 1m79 | |
| 5,0 | Từ 2m10 - 2m19 | Từ 1m60 - 1m69 | |
| 4,0 | Từ 2m00 - 2m09 | Từ 1m50 - 1m59 | |
| 3,0 | Từ 1m90 - 1m99 | Từ 1m40 - 1m49 | |
| 2,0 | Từ 1m80 - 1m89 | Từ 1m30 - 1m39 | |
| 1,0 | Từ 1m70 - 1m79 | Từ 1m20 - 1m29 | |
| 0,0 | ≤ 1m69 | ≤ 1m19 | |

2. Hướng dẫn chấm nội dung thi Chạy 100

- Mỗi thí sinh chỉ được dự thi 01 lần.

- Thành tích: Được xác định là giây và số lẻ từng 1/100 giây. Thành tích được tính từ khi thí sinh xuất phát đến lúc vượt qua vạch đích. Nếu phạm quy (chen lấn xô đẩy, chạy vào bên trong đường giới hạn) thì bị huỷ kết quả thi. Thí sinh bị ngã mà không tự đứng dậy chạy tiếp thì bị coi là bỏ cuộc. Các vi phạm khác áp dụng theo Luật thi đấu Điền kinh năm 2018. Kết quả được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Mỗi thí sinh có 02 giám thị chấm thi, giám thị chấm thi chỉ ghi thành tích của thí sinh vào Phiếu ghi thành tích (không ghi điểm quy đổi). Trường hợp 02 giám thị chấm thi có chênh lệch về thành tích thi thì thành tích cuối cùng là trung bình cộng của 02 Giám thị chấm thi và làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Kỹ thuật động tác: Thí sinh thực hiện tư thế xuất phát cao hoặc thấp.
Khẩu lệnh: Vào chỗ, sẵn sàng, chạy.



- Thang điểm quy đổi theo thành tích như sau:

| Điểm | Thành tích (giây) | | Ghi chú |
|------|-------------------|------------------|---------|
| | Nam | Nữ | |
| 10 | ≤ 13"19 | ≤ 15"19 | |
| 9,0 | Từ 13"20 - 13"59 | Từ 15"20 - 15"59 | |
| 8,0 | Từ 13"60 - 13"99 | Từ 15"60 - 15"99 | |
| 7,0 | Từ 14"00 - 14"39 | Từ 16"00 - 16"39 | |
| 6,0 | Từ 14"40 - 14"79 | Từ 16"40 - 16"79 | |
| 5,0 | Từ 14"80 - 15"19 | Từ 16"80 - 17"19 | |
| 4,0 | Từ 15"20 - 15"59 | Từ 17"20 - 17"59 | |
| 3,0 | Từ 15"60 - 15"99 | Từ 17"60 - 17"99 | |
| 2,0 | Từ 15"00 - 16"39 | Từ 18"00 - 18"39 | |
| 1,0 | Từ 16"40 - 16"79 | Từ 18"40 - 18"79 | |
| 0,0 | ≥ 16"80 | ≥ 18"80 | |

3. Lưu ý khác

- Thí sinh bị điểm 0 môn năng khiếu nếu bỏ thi 1 trong 2 nội dung thi.

- Điểm thi của từng nội dung thi và điểm cuối cùng của môn năng khiếu được làm tròn đến 2 số lẻ thập phân, sau đó quy tròn theo các mức 0,00 - 0,25 - 0,50 - 0,75.

- Điểm thi môn năng khiếu dùng để xét tuyển là trung bình cộng của 2 nội dung thi năng khiếu.